

T, ngày 11 tháng 3 năm 2021

Số: 31/2021/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 208/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: **Chị Hà Thị Thanh D**, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Xóm L, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị D: Ông Bùi Đức D1 – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm TGPLNN tỉnh Phú Thọ;

Bị đơn: **Anh Nguyễn Văn S**, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Xóm L, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh S: Ông Đoàn Hữu V – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm TGPLNN tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần V** (sau đây viết tắt là “V”);

Địa chỉ Trụ sở chính: Số 89 L, phường L, quận Đ, Thành Phố Hà Nội;

- Người Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- Người Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành L - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc khối pháp chế và Kiểm soát tuân thủ - Ngân hàng TMCP V;
- Người được ủy quyền lại: Ông Phạm H – Cán bộ tín dụng Ngân hàng Thương mại Cổ phần V chi nhánh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều: 35, 55, 59 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 3 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 3 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị Thanh D và anh Nguyễn Văn S.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về con chung*: Chị D và anh S không có con chung.

2.2. *Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng*: Ghi nhận sự thoả thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng chị D, anh S và đại diện Ngân hàng V trước khi Tòa án tiến hành hòa giải theo Biên bản về việc phân chia tài sản, công nợ của vợ chồng ngày 04/3/2021 cụ thể như sau:

2.2.1. Về tài sản chung, chia tài sản chung khi ly hôn: Chị D và anh S thống nhất thoả thuận có tài sản chung và chia tài sản chung như sau:

Chị D là người được quyền sử dụng, sở hữu toàn bộ tài sản chung của vợ chồng gồm:

• **Bất động sản:**

- Thửa đất số 47, tờ bản đồ 06, diện tích 2221 m², trong đó có 400 m² và 1821 m² đất trồng cây lâu năm tại khu L, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hà Thị Thanh D.
- Tài sản trên đất: 01 nhà xây 03 (ba) tầng gồm 10 phòng dùng kinh doanh dịch vụ lưu trú có nhà vệ sinh khép kín; 01 ngôi nhà xây 02 (hai) tầng hiện dùng để ở.

• **Động Sản:**

- Toàn bộ tài sản là nội thất tại ngôi nhà được sử dụng vào việc kinh doanh dịch vụ lưu trú gồm: 12 giường đơn bằng gỗ Xoan + 12 đệm, 09 chiếc bàn, 18 ghế đẩu bằng gỗ Xoan, 10 chiếc tivi (trong đó: 09 chiếc nhãn hiệu Asenzo 32 inch, 01 chiếc nhãn hiệu Panasonic 49 inch), 10 chiếc Điều hòa nhiệt độ (trong đó: 01 chiếc nhãn hiệu Panasonic, 05 chiếc nhãn hiệu Nagakawa, 04 chiếc Aqua), 09 bình Nước nóng, 02

chiếc Tủ lạnh (trong đó: 01 chiếc nhãn hiệu Sam sung, 01 chiếc nhãn hiệu Nutifood), 01 chiếc máy Giặt nhãn hiệu LG, 01 bộ bàn ghế bằng gỗ Gụ + 01 Bàn quây bằng gỗ Xoan để ở phòng khách;

- Tài sản được sử dụng tại ngôi nhà để ở xây 02 tầng gồm: 01 bộ bàn ghế bằng gỗ Gụ, 01 Tivi LG 52 inch, 01 Kệ để Ti vi bằng gỗ Gụ, 01 Tủ lạnh nhãn hiệu Aqua, 01 chiếc máy Giặt nhãn hiệu Sanyo, 02 chiếc Lục bình bằng gỗ Hương, 01 chiếc Áo gian bằng gỗ Mít, 01 Bình nước nóng, 01 Lò vi sóng, 01 máy lọc nước.
- 01 chiếc xe máy Honda SH, Biển kiểm soát 19D1 12685, đăng ký quyền sở hữu mang tên Hà Thị Thanh D.
- 01 chiếc xe máy Điện nhãn hiệu Romas BKS: 19MĐ6. 50226 đăng ký tên Hà Thị Thanh D.

2.2.2. Về nghĩa vụ thanh toán chênh lệch chia tài sản chung:

Chị D có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn cho anh S số tiền: 200.000.000 đồng. Xác nhận ngày 09/3/2021, chị D đã thanh toán đủ cho anh S số tiền 200.000.000đ.

Ngoài các tài sản được liệt kê nêu trên, anh S, chị D xác nhận vợ chồng không còn bất kỳ tài sản chung nào khác.

2.2.3. Về nợ chung: Chị D, anh S và Ngân hàng V thống nhất thỏa thuận.

- Chị D có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày 26/02/2021 là 967.556.781 VNĐ (*chín trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn bảy trăm tám mươi một đồng*) và các khoản chi phí khác cho Ngân hàng V theo Hợp đồng tín dụng số: 7925986 với Ngân hàng V – Chi nhánh Phú Thọ.
- Trường hợp chị D vi phạm nghĩa vụ với V, V được quyền thực hiện theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 28062016 ngày 28/6/2016: Thế chấp Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 47, tờ bản đồ 06; tại: Khu L, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ; Diện tích: 2221m² (Trong đó có: 400 m² đất ở và 1821 m² đất trồng cây lâu năm). Và theo Thỏa thuận thế chấp tài sản gắn liền trên đất, gồm: Ngôi nhà 2 tầng tổng diện tích sử dụng: 160m² và ngôi nhà 3 tầng tổng diện tích sử dụng 330m².
- Mọi thay đổi liên quan đến hiện trạng tài sản bảo đảm, chỉ được thực hiện sau khi khoản vay được tất toán.

2.2.3. Về tài sản riêng, công sức đóng góp: Anh S, chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. *Về án phí*: Chị D tự nguyện nộp toàn bộ 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị D đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2010/008826 ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Hoàn trả lại cho chị D 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Chị D, anh S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với việc phân chia tài sản chung theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTNQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Trong tr- ờng hợp bản án, quyết định đ- ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 - luật thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự."

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Chi cục THADS;
- UBND xã V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Mai

